ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1048 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 08 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán kinh phí lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Nông Trường Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Nông Trường Thái Bình, huyện Đình Lập đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 84/TTr-SXD ngày 05 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Nông Trường Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035 như sau:

1. Tổng kinh phí thực hiện: 119.622.000,0 đồng.

(*Chi phí tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

2. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Đình Lập và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế -Ngân sách (HĐND tỉnh)
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND huyện Đình Lập;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC 1. DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số 048/QĐ-UBND ngày 08/7/2023 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi phí lập điều chỉnh quy hoạch	G1	Dự toán chi tiết	83.307.400	Xem dự toán chi tiết
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G2	12,3 % x 75.791.272,7 đồng	9.315.282	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
3	Chi phí Quản lý nghiệp vụ quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)		10,6 % x 75.791.272,7 đồng	8.027.804	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G3	Mức tối thiểu đồng	5.000.000	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
5	Chi phí công bố quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G4	Mức tối thiểu đồng	5.000.000	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
6	Chi phí hồ sơ quy hoạch theo thông tin địa lý (GIS)	G5	10,00 % x 83.307.400 đồng	8.330.740	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
7	Chi phí khác	G6		640.428	
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		*0,57 % x TMĐT*	*640.428*	*NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021*
	TỔNG CHI PHÍ TƯ VẤN	**G**	**G1+G2+…+G5**	**119.621.654**	
	LÀM TRÒN:			**119.622.000**	

PHỤ LỤC 2: CHI PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

Bàng 1: Tổng hợp chi phí tư vấn

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ký hiệu
1	Chi phí chuyên gia	Xem bảng chi tiết B2	46.100.000	Ccg
2	Chi phí quản lý	55% x Ccg	20.745.000	Cql
3	Chi phí khác	Xem bảng chi tiết B3	4.500.000	Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	6% x (Ccg+Cql+Ck)	4.389.000	TN
5	Thuế VAT	10% x (Ccg+Cql+Ck+TN)	7.573.400	VAT
6	Tổng cộng	Ccg+Cql+Ck+TN+VAT	83.307.400	Ctv

Bảng 2: Chi phí lương chuyên gia

Đơn vị: đồng

TT	Chuyên gia thực hiện	Vị trí dự kiến	Lương chuyên gia theo Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021		Số ngày làm việc	Thù lao cho chuyên gia (5) x(6)
			Năm kinh nghiệm	Lương ngày		
	(1)	**(2)**	**(3)**		**(6)**	**(7)= (5)x (6)**
			(3.1)	(3.2)		
1	Chuyên gia 1	Chủ nhiệm đồ án quy hoạch	≥15 năm	1.500.000	20,0	30.000.000
2	Chuyên gia 2	Chủ trì thiết kế - Chuyên gia thiết kế bộ môn kiến trúc quy hoạch	10-15 năm	1.150.000	14,0	16.100.000
		Cộng			**34,0**	**46.100.000**